

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6(2022-2023)

A.KHUNG MA TRẬN

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (6 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên									20%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung								1 (TL5) 1đ	
2	Số nguyên (13 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	4 (TN1,2,3,4) 1.0 đ		2 (TN9,10) 0,5đ						45%
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên		1 (TL2a) 1đ		2 (TL1b, 2b) 2đ					
3	Thu thập và tổ chức dữ liệu (9 tiết)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	2 (TN5,6) 0.5đ					2 (TL3ab) 1đ			25%
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	2 (TN7,8) 0.5 đ		2 (TN11,12) 0,5đ						
4	Các hình phẳng trong thực tiễn (4T)	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân						1 (TL4) 1đ		10%	
Tổng: Số câu Điểm			8c 2đ	2c 2đ	4c 1.0đ	2c 2đ		3c 2đ		1c 1đ	20 10,0đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

Tổng tiết : 32 tiết

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	<p>Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung</p>	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...). 	1 (TL1a) 1đ			
		<p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc). 				1 (TL5) 1đ	
2	Số nguyên	<p>Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. Nhận biết được số đối của một số nguyên. Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. 	4 (TN1,2,3,4) 1.0 đ			
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biểu diễn được số nguyên trên trục số. So sánh được hai số nguyên cho trước. 		2 (TN9,10) 0,5đ 2 (TL1b, 2b) 2đ		
		<p>Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên</p>	<p>Nhận biết :</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. 	1 (TL2a) 1đ			
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính 		2 (TL1b, 2b) 2đ		

			về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).				
			Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.				
THỐNG KÊ							
3	.Thu thập và tổ chức dữ liệu	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	2 (TN5,6) 0.5đ		1 (TL3) 1đ	
			Vận dụng: – Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.				
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Nhận biết: – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).	2 (TN7,8) 0.5 đ			
			Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).		2 (TN11,12) 0,5đ		
			Vận dụng: – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).				
HÌNH							
4.	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.				
			Thông hiểu – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).				
			Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1 (TL4) 1đ	

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ I

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	D	B	B	D	D	D	C	C	B	A	A

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1 (2,0đ)	a) $8. \frac{90 - (21 - 16)^2}{5}$ $= 18. \frac{90 - 5^2}{5}$ $= 18. [30 - 25]$ $= 18.5$ $= 90$	0,25 0,25 0,25 0,25
	b) $17 - (17 - 2022)$ $= -17 + 17 + 2022$ $= 2022$	0,5 0,5
2 (2,0 đ)	a) $x + 13 = -27$ $x = -27 - 13$ $x = -40$	0,5 0,5
	b) $x - 7 = (-9) + (-8)$ $x - 7 = -17$ $x = +7 - 17$ $x = -10$	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (1,0 đ)	a) Học sinh khối 6 trường THCS Y xếp loại học lực nào là đông nhất: xếp loại học lực khá là nhiều đông nhất	0,5
	b) Trường THCS Y ,khối 6 có học lực Giỏi =38 (bạn) . Trường THCS Y có bao nhiêu học sinh khối 6 có học lực từ trung bình trở lên =38 + 140 +52= 230 (bạn) .	0,25 0,25
4 (1.0đ)	Chu vi của hình=240mm diện tích của hình=3200 mm ²	0,5 0,5
5 (1,0 đ)	Thư viện trường THCS A có số sách tham khảo từ 250 đến 450 cuốn . Khi xếp thành từng bó 12 cuốn, 15 cuốn, 18 cuốn đều thừa 5 cuốn. Tính số sách của THCS A . HD: Số sách của THCS A Số học sinh khi trừ đi 5 cuốn là BC(12;15;18) và nằm trong khoảng 250 đến 450 cuốn Tìm BCNN(12;15;18) $12 = 2^2.3$; $15 = 3.5$; $18 = 2.3^2$ $BCNN(12;15;18) = 2^2.3^2.5 = 180$ $BC(12;15;18) = B(180) = \{0;180;360;540;...\}$ Mà số cần tìm nằm trong khoảng từ 250 đến 450 cuốn nên số sách khối 6 có $360 + 5 = 365$ cuốn	0,25x4